

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày 07 tháng 08 năm 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tú Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Danh On

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 05 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện H, tỉnh B.

Đồng bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Bà Võ Thị Ngọc X, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày: Do có quen biết ở xóm nên trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2017, bà H có bán nợ tiền thức ăn chăn nuôi gia súc cho vợ chồng ông Trần Văn V, bà Võ Thị Ngọc X nhiều lần với tổng số tiền nợ là 151.526.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông V, bà X có thanh toán cho bà H được số tiền là 49.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 102.526.000 đồng. Bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V, bà X trả số nợ còn lại nhưng vợ chồng ông V,

bà X cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Sau đó bà H có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện H vào khoảng tháng 01 năm 2020. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và mời vợ chồng ông V, bà X lên làm việc thì đến ngày 26/02/2020 (dương lịch) vợ chồng ông V, bà X có trả thêm cho bà H được số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 72.526.000 đồng. Sau đó bà H rút lại đơn khởi kiện đối với ông V, bà X và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ số 08/2020/QĐST-DS ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện H. Tuy nhiên từ ngày 26/02/2020 (dương lịch) đến nay vợ chồng ông V, bà X không có trả cho bà H số nợ còn lại là 72.526.000 đồng. Do đó nay bà H tiếp tục khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà X phải trả số tiền còn nợ là 72.526.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với khoản nợ này theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26/2/2020 (dương lịch) cho đến khi giải quyết vụ án. Ngoài ra bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- *Tại bản tự khai cùng ngày 05/5/2020 đồng bị đơn ông Trần Văn V, bà Võ Thị Ngọc X thống nhất trình bày:* Ông V và bà X thừa nhận trước đây trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2017, vợ chồng ông V, bà X nhiều lần có mua nợ thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản của bà Nguyễn Thị Minh H. Đến khi vợ chồng ông bà ngưng mua hàng của bà H thì tổng số tiền nợ mua thức ăn nêu trên là 102.526.000 đồng. Sau đó bà H có khởi kiện vợ chồng ông V, bà H ra Tòa án nhân dân huyện H để yêu cầu trả số tiền nợ là 102.526.000 đồng thì ông bà có trả cho bà H được số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 26/02/2020. Khi ông V, bà X trả cho bà H được số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 26/02/2020 thì bà H đã rút lại đơn khởi kiện đối với vợ chồng ông V, bà X và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện nay bà H tiếp tục khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà X trả số nợ còn lại là 72.526.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/02/2020 thì vợ chồng ông bà cũng đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 72.526.000 đồng. Còn tiền lãi thì vợ chồng ông V, bà X yêu cầu được miễn vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông bà khó khăn, làm ăn thất bại. Ngoài ra ông V, bà X không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với đồng bị đơn. Buộc ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh H tổng số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) là 75.463.384 đồng (*trong đó nợ gốc là 72.526.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.937.384 đồng*). Ngoài ra ông V, bà X còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X phải trả cho bà H số tiền mua nợ thức ăn chăn nuôi là 72.526.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã A, huyện H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đồng bị đơn ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X phải trả cho bà H số tiền mua nợ thức ăn chăn nuôi là 72.526.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26/02/2020 cho đến khi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại bản tự khai cùng ngày 05/5/2020 đồng bị đơn ông Trần Văn V, bà Võ Thị Ngọc X thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2017 vợ chồng ông V, bà X nhiều lần có mua nợ thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản của bà Nguyễn Thị Minh H. Đến khi vợ chồng ông bà ngưng mua hàng của bà H thì tổng số tiền nợ mua thức ăn nêu trên là 102.526.000 đồng. Sau đó ông V, bà X có trả cho bà H được số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 26/02/2020 và hiện tại còn nợ lại bà H số tiền là 72.526.000 đồng và ông bà cũng đồng ý trả cho bà H số tiền là 72.526.000 đồng theo yêu cầu của bà H. Xét thấy đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự vì được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X cùng có trách nhiệm trả cho bà H số tiền mua nợ thức ăn chăn nuôi 72.526.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà H yêu cầu vợ chồng ông V, bà X phải trả lãi đối với số tiền 72.526.000 đồng kể từ ngày 26/02/2020 cho đến khi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã phân tích ở trên do có cơ sở xác định vợ chồng ông V, bà X còn nợ bà Nguyễn Thị Minh H số tiền mua nợ thức ăn chăn nuôi là 72.526.000 đồng và từ ngày 26/02/2020 đến nay thì vợ chồng ông V, bà X không có thanh toán số tiền nợ này cho bà Nguyễn Thị Minh H nên theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 thì “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*” đồng

thời tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được quy định là 9%/năm (*tương đương 0,75%/tháng*). Trong giao dịch mua bán giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Trần Văn V, bà Võ Thị Ngọc X các bên không có thỏa thuận về lãi suất do việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất chậm trả trong trường hợp này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 (*tương đương 0,75%/tháng*). Từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (07/8/2020) là 05 tháng 12 ngày. Như vậy số tiền lãi chậm trả cần buộc vợ chồng ông V, bà X trả cho bà H từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: $[(05 \text{ tháng } 12 \text{ ngày}) \times (72.526.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/tháng)] = [(05 \text{ tháng } 12 \text{ ngày}) \times (543.945 \text{ đồng/tháng})] = (162 \text{ ngày} \times 18.132 \text{ đồng/ngày}) = 2.937.384 \text{ đồng}$.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc đồng bị đơn trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) là 75.463.384 đồng (*trong đó nợ gốc là 72.526.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.937.384 đồng*). Ngoài ra ông V, bà X còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H được chấp nhận toàn bộ nên bà H không phải chịu án phí.

Ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H là 3.773.169 đồng ($75.463.384 \text{ đồng} \times 5\% = 3.773.169 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 305, 428, 438 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H đối với đồng bị đơn ông Trần Văn V, bà Võ Thị Ngọc X.

Buộc ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh H tổng số tiền là 75.463.384 đồng (trong đó nợ gốc là 72.526.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 26/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) là 2.937.384 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Minh H không phải chịu án phí, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.814.000 đồng theo biên lai thu số 0003027 ngày 29/04/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

- Buộc ông Trần Văn V và bà Võ Thị Ngọc X phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.773.169 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tông đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh